

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/HNGĐ-ST.**

Ngày: 05/3/2021.

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Phi.

2. Bà Huỳnh Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đồng Thị Kim H**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Đồng Thị Kim H yêu cầu:

Chị H và anh P tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND thị trấn L vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có hạnh phúc chỉ trong thời gian ngắn, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, tiền bạc trong gia đình, rồi sau đó anh P đã bỏ đi, hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân đã lâu nhưng chị H và anh P đều không liên lạc hàn gắn

tình cảm để quay về chung sống. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị H và anh P có một người con chung tên là Nguyễn Công A, sinh ngày 21/4/2009. Thời gian sống ly thân cháu A do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi giải quyết ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn chị H cung cấp bao gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con chung (phô tô); bản phô tô (chứng thực) chứng minh nhân dân mang tên Đồng Thị Kim H và sổ hộ khẩu.

[2]. Qua xác minh tại địa phương xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận và người thân thích của anh Nguyễn Thanh P, xác định anh P hiện nay vẫn đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Đ, huyện T. Thế nhưng, anh P thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng về địa phương. Anh P khi đi không khai báo với địa phương và ít liên lạc với người thân, thường xuyên thay đổi địa chỉ làm việc nên người thân cũng như địa phương xã Đ không biết hiện nay anh P đang ở đâu.

Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh P không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để giải quyết vụ án ly hôn với chị H. Vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của anh P trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định BLTTDS.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Áp dụng dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

+ Về con chung: Giao cho chị Đồng Thị Kim H có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Nguyễn Công A, sinh ngày 21/4/2009 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Thanh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom chăm sóc con, chị H không được ngăn cản.

+ Về án phí: Chị Đồng Thị Kim H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Đồng Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thanh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] *Xét yêu cầu ly hôn của chị Đồng Thị Kim H*:

Chị H và anh P kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND thị trấn L năm 2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh P chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân từ những xích mích trong cuộc sống hàng ngày không tự hàn gắn được dần dần trở thành những mâu thuẫn lớn hơn. Do xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị H và anh P đã sống ly thân trong một thời gian dài, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc nên chị H yêu cầu ly hôn với anh P.

Qua xác minh tại địa phương xã Đ thể hiện: Anh P có hộ khẩu, nơi cư trú nhưng đi làm thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Thời gian đi làm thì vẫn có về địa phương. Do bị đơn anh P thường đi làm vắng nhà nên Toà án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ và tổng đạt cho người thân của anh P nhận thay đổi với các văn bản tố tụng về phiên họp, hòa giải, tuy nhiên anh P không về để tham gia tố tụng và đều vắng mặt không có lý do. Như vậy thể hiện bản thân anh P không mong muốn hòa giải đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau.

Trên cơ sở đó đã xác định chị H và anh P đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Để cho chị H cũng như anh P có điều kiện ổn định cuộc sống, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị được ly hôn với anh P, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị H và anh P có một người con chung tên là Nguyễn Công A, sinh ngày 21/4/2009. Người con chung

đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung nêu trên cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con. Riêng đối với cháu A đã trên 7 tuổi có nguyện vọng muốn sống với chị H.

Xét thấy: Anh Nguyễn Thanh P không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình yêu cầu về con chung, mặc dù đã được tòa án tổng hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó để đảm bảo quyền lợi và môi trường sống ổn định của con, cần giao cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng một người con chung nêu trên cho đến khi thành niên, anh P được quyền thăm nom chăm sóc con, chị H không được ngăn cản là phù với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh P đều không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Cần buộc chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147, 203, 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - chị Đồng Thị Kim H.

1. *Về hôn nhân:* Chị Đồng Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Đồng Thị Kim H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Nguyễn Công A, sinh ngày 21/4/2009 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Thanh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản. Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. *Về án phí:* Chị Đồng Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N.004708, ngày 15 tháng 07 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn, bị đơn sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND thị trấn L;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí